



# MARKET INSIGHTS REPORTS

10.03.2025

HỢP VINCOM DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TÍCH CỰC



# NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT  
*Sẽ có nhịp chỉnh ngắn hạn khi vào vùng quá mua ?*
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY  
*Doanh thu thuế từ dầu mỏ của Nga cao nhất sau nhiều tháng*  
*Sản lượng huy động điện thực tế*
- 10** TTCK MỸ  
*Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tới nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	539
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	191
Số cổ phiếu giảm giá	263
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	85

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	231
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	73
Số cổ phiếu giảm giá	85
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	73

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	415
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	158
Số cổ phiếu giảm giá	155
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	102

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	57,212.31	61,695.39	(4,483.08)
% KL toàn thị trường	5.60%	6.03%	
Giá trị	1,848,468	2,424,128	(575,660)
% GT toàn thị trường	8.12%	10.64%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	9,041.30	1,394.50	7,646.80
% KL toàn thị trường	5.60%	6.03%	
Giá trị	131,675	49,387	82,288
% GT toàn thị trường	10.79%	4.05%	

### UPCOM

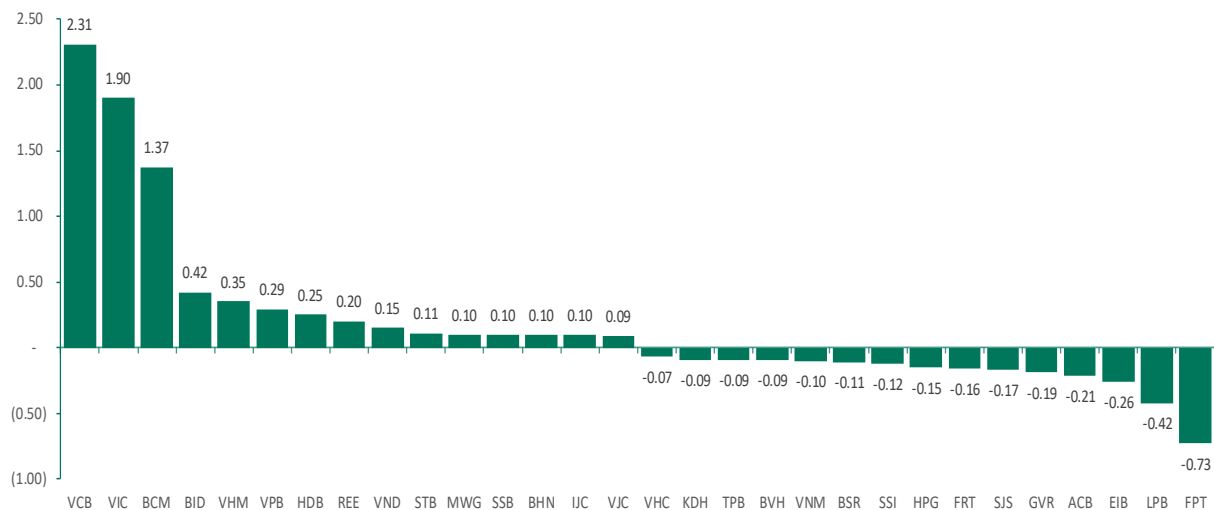
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	530.10	1,169.60	(639.50)
% KL toàn thị trường	0.76%	1.68%	
Giá trị	7,985	36,069	(28,085)
% GT toàn thị trường	0.99%	4.46%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	4,428,800	96,800	1,700 (1.79%)	15.99	2.72	6,053	541,024
2	BID	4,881,700	41,400	250 (0.61%)	9.57	1.63	4,326	290,684
3	CTG	9,163,000	42,450	50 (0.12%)	9.00	1.52	4,719	227,956
4	FPT	5,323,000	139,300	-2,100 (-1.49%)	24.45	5.73	5,697	204,920
5	TCB	13,907,700	27,800	50 (0.18%)	6.75	1.33	4,116	196,403
6	VHM	12,066,400	45,300	350 (0.78%)	6.31	0.84	7,176	186,066
7	VIC	9,904,400	47,300	2,000 (4.42%)	15.48	1.18	3,055	180,859
8	HPG	23,580,500	27,950	-100 (-0.36%)	14.33	1.56	1,951	178,775
9	GAS	1,420,900	67,800	0 (0%)	15.06	2.58	4,502	158,833
10	VPB	34,122,100	19,400	150 (0.78%)	9.76	1.05	1,988	153,918

## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
<b>Tất cả</b>	<b>+0.35%</b>	<b>+4.97%</b>	<b>1,598</b>
<b>Tài chính</b>	<b>+0.43%</b>	<b>+8.03%</b>	<b>104</b>
> Tổ chức tín dụng	+0.51%	+7.76%	29
> Dịch vụ tài chính	+0.16%	+9.90%	62
> Bảo hiểm	-0.71%	+9.82%	13
<b>Bất động sản</b>	<b>+1.72%</b>	<b>+9.49%</b>	<b>142</b>
<b>Công nghiệp</b>	<b>+0.68%</b>	<b>+3.16%</b>	<b>387</b>
> Vận tải	+1.14%	+0.21%	132
> Tư liệu sản xuất	-0.51%	+9.93%	211
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+0.47%	+15.45%	44
<b>Nguyên vật liệu</b>	<b>+0.62%</b>	<b>+11.00%</b>	<b>260</b>
<b>Tiêu dùng thiết yếu</b>	<b>-0.33%</b>	<b>-3.22%</b>	<b>163</b>
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.32%	-3.17%	156
> Đồ gia dụng và cá nhân	-0.74%	+0.96%	6
<b>Tiện ích</b>	<b>+0.16%</b>	<b>+1.28%</b>	<b>149</b>
<b>Tiêu dùng không thiết yếu</b>	<b>-0.27%</b>	<b>+7.48%</b>	<b>261</b>
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.10%	+4.71%	124
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.68%	+16.39%	93
> Dịch vụ tiêu dùng	+0.06%	+1.45%	32
> Xe và linh kiện	-1.21%	+1.21%	12
<b>Viễn thông</b>	<b>-1.49%</b>	<b>-7.55%</b>	<b>48</b>
> Viễn thông	-1.58%	-7.95%	22
> Truyền thông giải trí	+0.41%	+1.60%	26
<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>-1.46%</b>	<b>-8.64%</b>	<b>14</b>
> Phần mềm	-1.46%	-8.67%	7
> Phần cứng	-2.48%	-2.09%	5
> Bán dẫn	0%	+6.58%	2
<b>Năng lượng</b>	<b>-0.41%</b>	<b>-7.55%</b>	<b>21</b>
<b>Chăm sóc sức khỏe</b>	<b>-0.40%</b>	<b>+1.66%</b>	<b>49</b>
> Dược phẩm - sinh học	-0.35%	+1.61%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-1.06%	+2.56%	5

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 4.23 (+ 0.32%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Bất động sản, vận tải, nguyên vật liệu, tổ chức tín dụng, dịch vụ chuyên biệt và thương mại, truyền thông giải trí, tiện ích, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ tài chính... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VHM, VIC, BCM, VRE, TCH, SIP, IDC, ACV, MVN, HVN, KSV, MSR, CSV. TV2, VEF, YEG, VNZ, REE, VSH, QTP, DSN, VCI, VND, VIX, BSI, SHS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sóng 3 tăng giá có kháng cự là 48;
- ✓ Hỗ trợ khi điều chỉnh là 44 – 4 và giá mục tiêu sóng 5 sau điều chỉnh là 53 - NĐT có thể mua vào cổ phiếu khi điều chỉnh về vùng hỗ trợ này;
- ✓ Khối ngoại mua ròng hỗ trợ đẩy giá cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(ii) TCH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14);
- ✓ Tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn có thể xuất hiện với và hỗ trợ khi điều chỉnh là 14 – 15;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(iii) REE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình Rally – Base – Rally đã có Break out phiên giao dịch hôm nay;
- ✓ Giá vận động theo sóng 5 tăng giá với mục tiêu 86;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iv) BCM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng co hẹp cảnh báo xu hướng biến động mạnh sắp diễn ra;
- ✓ Giá đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 85 – Tín hiệu tích cực;
- ✓ BCM sắp tiến hành đấu giá 300 triệu cổ phần và đây là thông tin hỗ trợ đẩy giá cổ phiếu;

- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

**(2) Viễn thông, phần mềm, xe và linh kiện, chăm sóc sức khỏe, đồ gia dụng và cá nhân, bảo hiểm, hàng tiêu dùng và trang trí, tư liệu sản xuất... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu VGI, FOX, CTR, FPT, CMG, DRC, CSM, TNH, LIX, NET, BVH, MIG, BMI, GEX, TLG, MSH, PAC, RAL, TNG, HUT, BCG, CTD... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) FPT giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều khiến cổ phiếu giảm giá ngắn hạn;
- ✓ Cổ phiếu hình thành sóng 5 giảm giá với mục tiêu tối thiểu 133 – Tín hiệu thận trọng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 62%;

(ii) MSH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều của giá và RSI(14) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hiện cổ phiếu đang lấp đầy khoảng trống giá thiết lập ngày 17/2/2025;
- ✓ Vùng hỗ trợ mạnh khi điều chỉnh là vùng giá 50 – 54 – NĐT nên mua vào cổ phiếu ở vùng hỗ trợ này. Chúng tôi ước tính kết quả kinh doanh năm 2025 sẽ tăng trưởng từ 50 – 80% so với năm 2024 và đây là cổ phiếu thích hợp mua đầu tư;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(iii) CTD giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều của giá và RSI(14) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc thấp mới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 84 – 89;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(iv) DRC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều của giá và RSI(14) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc thấp mới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 5 giảm giá với mục tiêu 20 – 24;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Sẽ có nhịp chỉnh ngắn hạn khi vào vùng giá mua ?

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm nhưng vẫn nằm trên mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài hơn ròng hơn 519 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MWG, SHS, VIC, VCI, VIB, KSB, DXG, HHV, HDC, TCH... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, SSI, FRT, MSN, KDH, DGC, HPG, VHC, BID, VPB... Như vậy, khối ngoại vẫn tiếp tục chuỗi bán ròng chưa có điểm dừng trong giai đoạn vừa qua.

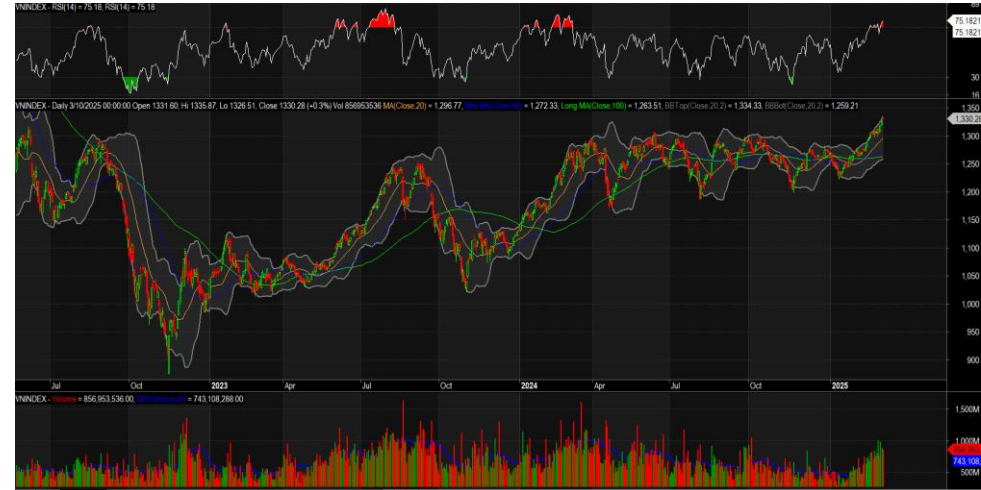
(ii) Chỉ số đang đi vào khu vực kháng cự mạnh 1,230 – 1,250 điểm và với việc RSI(14) đang ở vùng quá mua, một sự điều chỉnh tiềm năng có thể diễn ra tại khu vực này. Một sự điều chỉnh tại khu vực này theo chúng tôi là cần thiết. Ngoài ra, trong vài phiên giao dịch gần đây, thị trường đang có sự điều chỉnh khi nhiều dòng cổ phiếu tăng giá đang có dấu hiệu chững lại và đã tăng chủ yếu tới từ nhóm họ VINCOM. Ngoài ra, sự điều chỉnh có thể sẽ giúp thị trường đảo dòng dẫn dắt cổ phiếu khác thay cho nhóm chứng khoán giai đoạn vừa qua.

(iii) Về yếu tố vĩ mô, chúng ta đang trong giai đoạn bơm tiền rộng đối ứng với các hoạt động kinh tế thực và tài chính. Tất nhiên, cấu trúc bơm vốn vẫn dựa trên nền tảng ngân hàng trong đó tín dụng sẽ đóng góp lớn nhất vào thay đổi cung tiền (Tất nhiên, tín dụng tăng trưởng lũy kế từ đầu năm tới nay vẫn khá yếu). Gói chính sách giải quyết chế độ lên tới 130 ngàn tỷ cũng là một kiểu bơm tiền dựa trên việc giá trị tài sản ròng cá nhân tăng lên qua đó kích thích tiêu dùng (thu nhập tăng và nằm ngoài các dự liệu, đẩy tỷ lệ chi tiêu/tiết kiệm biên lên cao, các vòng tiếp theo là từ số nhân tài khóa, ví dụ chi tiêu nhiều, doanh nghiệp mở rộng đầu tư, sản xuất kinh doanh, lao động có việc làm, thu nhập tăng, tiếp tục chi tiêu, v.v. Thuế tương lai cũng có khả năng tăng lên (Chúng ta thấy tốc độ tăng thu của các tỉnh 2 tháng đầu năm rất tích cực). Với góc nhìn này, thị trường chứng khoán sớm hay muộn sẽ được hưởng lợi lớn và sóng tăng giá chu kỳ đã và đang hình thành trên thị trường.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 13 mã cho tín hiệu mua, 06 mã cho tín hiệu bán, 21 mã cho tín hiệu đi ngang. BCM, VPB, VJC ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 46.28% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ là 1,300 điểm và kháng cự là 1,350 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu BCM





## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	502.95	503.4	502.49	YES	505.62	509.21	511.88	515.47	499.36	496.69	493.1	490.43
HNXINDEX	239.55	239.57	239.52	YES	240.76	242.03	243.24	244.51	238.28	237.07	235.8	234.59
UPINDEX	99.28	99.33	99.22	YES	99.56	99.97	100.25	100.66	98.87	98.59	98.18	97.9
VN30	1392.81	1393.68	1391.94	YES	1398.39	1405.71	1411.29	1418.61	1385.49	1379.91	1372.59	1367.01
VNINDEX	1330.89	1331.19	1330.58	YES	1335.26	1340.25	1344.62	1349.61	1325.9	1321.53	1316.54	1312.17
VNXALL	2208.98	2210.65	2207.32	YES	2217.89	2230.11	2239.02	2251.24	2196.76	2187.85	2175.63	2166.72
VN30F1M	1389.97	1390.25	1389.68	YES	1394.33	1399.27	1403.63	1408.57	1385.03	1380.67	1375.73	1371.37
VN30F1Q	1385	1385.5	1384.5	YES	1389	1394	1398	1403	1380	1376	1371	1367
VN30F2M	1388.6	1389.5	1387.7	YES	1392.2	1397.6	1401.2	1406.6	1383.2	1379.6	1374.2	1370.6
VN30F2Q	1385.37	1386.5	1384.23	YES	1387.73	1392.37	1394.73	1399.37	1380.73	1378.37	1373.73	1371.37
BCM	78.43	77.55	79.32	NO	81.97	83.73	87.27	89.03	76.67	73.13	71.37	67.83
BID	41.53	41.6	41.47	NO	41.87	42.33	42.67	43.13	41.07	40.73	40.27	39.93
ACB	26.53	26.58	26.49	NO	26.67	26.88	27.02	27.23	26.32	26.18	25.97	25.83
BVH	56.5	56.65	56.35	NO	57.1	58	58.6	59.5	55.6	55	54.1	53.5
CTG	42.42	42.4	42.43	YES	42.73	43.02	43.33	43.62	42.13	41.82	41.53	41.22
FPT	140	140.35	139.65	NO	140.8	142.3	143.1	144.6	138.5	137.7	136.2	135.4
GAS	67.73	67.7	67.77	YES	68.27	68.73	69.27	69.73	67.27	66.73	66.27	65.73
GVR	33.38	33.43	33.34	NO	33.62	33.93	34.17	34.48	33.07	32.83	32.52	32.28
HDB	23.7	23.7	23.7	YES	23.9	24.1	24.3	24.5	23.5	23.3	23.1	22.9
HPG	28.03	28.08	27.99	NO	28.12	28.28	28.37	28.53	27.87	27.78	27.62	27.53
LPB	35.15	35.32	34.97	NO	35.5	36.2	36.55	37.25	34.45	34.1	33.4	33.05
MBB	24.62	24.67	24.56	NO	24.78	25.07	25.23	25.52	24.33	24.17	23.88	23.72
MSN	69.17	69.3	69.03	NO	69.63	70.37	70.83	71.57	68.43	67.97	67.23	66.77
MWG	61.97	61.85	62.08	NO	62.53	62.87	63.43	63.77	61.63	61.07	60.73	60.17
PLX	42.73	42.6	42.87	NO	43.27	43.53	44.07	44.33	42.47	41.93	41.67	41.13
SAB	51.37	51.35	51.38	YES	51.73	52.07	52.43	52.77	51.03	50.67	50.33	49.97
SSB	19.77	19.75	19.78	YES	19.88	19.97	20.08	20.17	19.68	19.57	19.48	19.37
STB	39.83	39.75	39.92	NO	40.47	40.93	41.57	42.03	39.37	38.73	38.27	37.63
SSI	26.8	26.88	26.73	NO	27.1	27.55	27.85	28.3	26.35	26.05	25.6	25.3
TCB	27.93	28	27.87	NO	28.17	28.53	28.77	29.13	27.57	27.33	26.97	26.73
TPB	16.28	16.33	16.24	NO	16.37	16.53	16.62	16.78	16.12	16.03	15.87	15.78
VCB	96.77	96.75	96.78	YES	97.43	98.07	98.73	99.37	96.13	95.47	94.83	94.17
VHM	45.27	45.25	45.28	YES	45.83	46.37	46.93	47.47	44.73	44.17	43.63	43.07
VIB	21.02	21.05	20.98	NO	21.13	21.32	21.43	21.62	20.83	20.72	20.53	20.42
VJC	97.33	97.15	97.52	NO	98.27	98.83	99.77	100.33	96.77	95.83	95.27	94.33
VIC	47	46.85	47.15	NO	48.2	49.1	50.3	51.2	46.1	44.9	44	42.8
VPB	19.45	19.47	19.42	NO	19.6	19.8	19.95	20.15	19.25	19.1	18.9	18.75
VRE	18.3	18.33	18.28	NO	18.4	18.55	18.65	18.8	18.15	18.05	17.9	17.8
VNM	62.67	62.75	62.58	NO	62.83	63.17	63.33	63.67	62.33	62.17	61.83	61.67
VRE	17.1	17.05	17.15	NO	17.3	17.4	17.6	17.7	17	16.8	16.7	16.5

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VPB	34,122,100	15,300,800	223	0.78
VND	31,749,600	15,804,830	201	2.92
IJC	13,063,500	2,166,520	603	6.97
VIC	<b>9,904,400</b>	<b>3,186,350</b>	<b>310.84</b>	<b>4.42</b>
ABB	9,490,600	1,567,560	605	3.8
TCĐ	7,132,200	3,155,020	226	-5.45
HDC	<b>6,166,500</b>	<b>2,499,880</b>	<b>246.67</b>	<b>2.77</b>
KSB	5,666,000	2,741,270	207	3.25
LCG	5,630,800	2,464,210	229	1.87
TDC	<b>3,647,600</b>	<b>1,142,910</b>	<b>319.15</b>	<b>6.94</b>
BCM	2,435,900	422,990	576	6.93
ITC	2,322,600	281,870	824	6.8
VSE	1,835,700	76,950	2,386	-13.33
KLB	1,258,300	239,550	525	1.67
SVN	<b>1,062,300</b>	<b>374,190</b>	<b>283.89</b>	<b>-9.23</b>
MBG	890,300	252,400	353	-2.7
DCL	853,500	332,080	257	0.42
IPA	629,800	233,910	269	3.85
VNB	519,100	153,010	339	4.62
VCS	<b>424,700</b>	<b>137,210</b>	<b>309.53</b>	<b>0</b>
AGM	337,800	141,550	239	2.76
TAL	335,200	100,940	332	-3.54
BCC	308,500	114,390	270	0
PXT	167,100	72,200	231	0
MGC	<b>157,500</b>	<b>73,830</b>	<b>213.33</b>	<b>9.65</b>
AFX	152,400	47,590	320	0
PRT	146,100	27,540	531	5.5
ACC	127,500	53,970	236	0.35
PBC	126,900	39,260	323	1.22
UDJ	121,200	31,180	389	4.65
SGT	118,300	58,060	204	-1.75
LHC	117,300	27,340	429	-0.13
SBB	114,300	24,700	463	9.49
KDM	111,600	2,930	3,809	-4.29
DTC	102,100	10,640	960	-1.96
HUB	97,200	35,760	272	-0.55
BTS	83,600	13,620	614	0
LAF	80,000	25,900	309	0.45
MH3	65,000	27,750	234	0.83
SRB	62,600	23,810	263	-4.76

- Lưu ý: VPB, VND...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
10-Mar	MSH	Mua thêm	≤ 57	10% -20%	Đang hình thành sóng 4 giảm giá - Cổ phiếu thích hợp đầu tư dài hạn

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 01 CỔ PHIẾU MỚI**;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 03/03 - 07/03, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng mạnh phiên đầu tuần rồi giảm dần trở lại. Chốt ngày 07/03, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.730 VND/USD, tăng nhẹ 04 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.544 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.916 VND/USD, thấp hơn tỷ giá trần 50 đồng. Tỷ giá LNH trong tuần từ 03/03 - 07/03 có xu hướng giảm. Kết thúc phiên 07/03, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.508, giảm 53 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do tuần qua vẫn ít biến động. Chốt phiên 07/03, tỷ giá tự do tăng 40 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.710 VND/USD và 25.810 VND/USD
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 03/03 - 07/03, lãi suất VND LNH các kỳ hạn từ 1M trở xuống giảm mạnh. Chốt ngày 07/03, lãi suất VND LNH giao dịch ở mức: ON 3,99% (-0,81 đpt); 1W 4,09% (-0,79 đpt); 2W 4,27% (-0,61 đpt); 1M 4,43% (-0,50 đpt). Lãi suất USD LNH biến động nhẹ ở tất cả các kỳ hạn trong tuần qua. Phiên 07/03, lãi suất USD LNH giao dịch tại: ON 4,31% (không thay đổi); 1W 4,37% (-0,01 đpt); 2W 4,42% (-0,01 đpt) và 1M 4,48% (không thay đổi).
- Thị trường mở: Trên thị trường mở tuần qua từ 03/03 - 07/03, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu 150.000 tỷ đồng với 5 kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 28 ngày, 35 ngày và 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 41.100,84 tỷ đồng trúng thầu và có 45.958,73 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 7 ngày, đấu thầu lãi suất ở 2 phiên đầu tuần. Có 1.999,8 tỷ đồng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu giảm dần từ mức 3,2% xuống mức 3,1%. Có 5.999,3 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua. Như vậy, NHNN hút ròng 858,39 tỷ đồng khỏi thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở. Có 63.812,85 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố, có 1.999,8 tỷ đồng tín phiếu NHNN lưu hành trên thị trường.

## Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

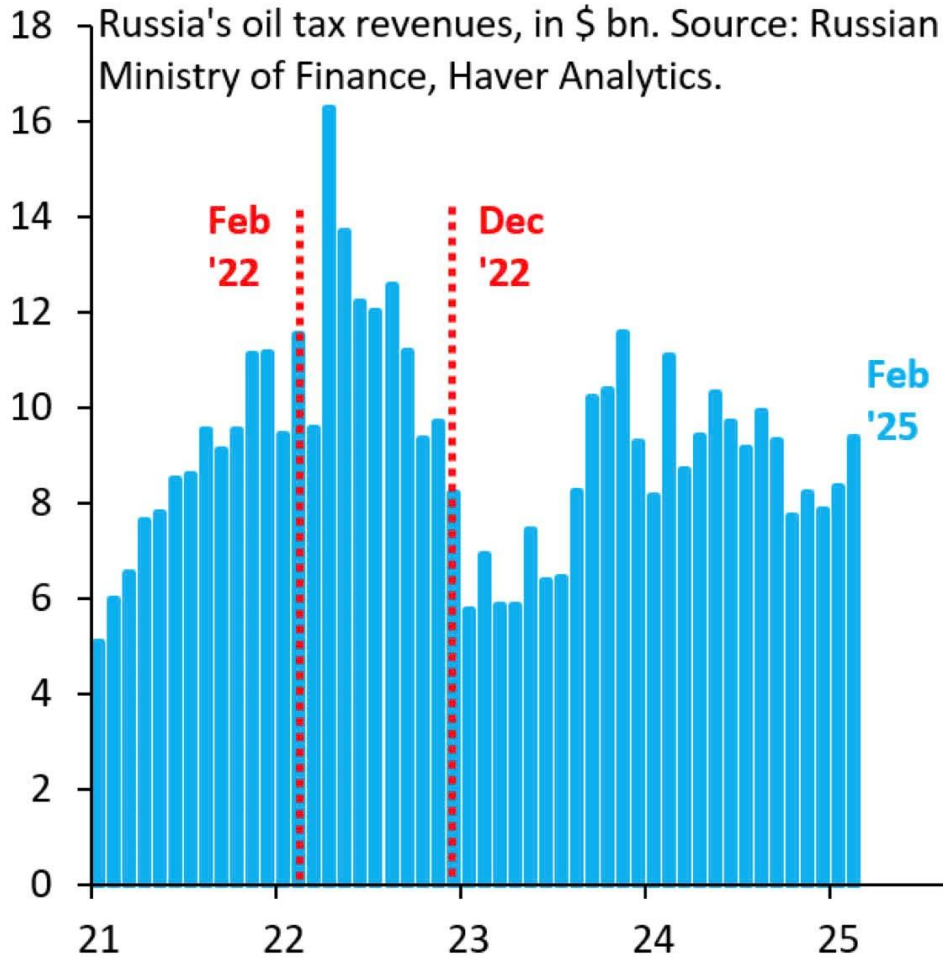
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



## Doanh thu thuế từ dầu mỏ của Nga cao nhất sau nhiều tháng



## Sản lượng huy động điện thực tế

### SỐ LIỆU TRONG THÁNG

Date	Tổng sản lượng các nguồn điện	Sản lượng thủy điện	Sản lượng nhiệt điện than	Sản lượng nhiệt điện khí	Sản lượng điện NLTT	Sản lượng điện nhập khẩu & khác
2025 02	22,240	4,585	12,250	1,333	3,623	449
2025 01	22,773	4,705	12,570	1,367	3,717	414
2024 12	25,091	5,563	13,775	1,887	3,221	645
2024 11	24,940	6,850	13,010	1,480	3,540	60
2024 10	26,100	10,740	10,720	1,270	2,800	570
2024 09	24,560	11,660	8,580	1,040	2,770	510
2024 08	28,600	13,010	10,290	1,500	3,290	510
2024 07	27,700	12,270	10,060	1,530	3,290	550
2024 06	27,490	9,550	12,370	1,950	3,110	510
2024 05	28,090	4,670	17,080	2,650	3,070	620
2024 04	26,890	3,790	16,900	2,460	3,100	640
2024 03	25,560	2,830	16,050	2,380	4,030	270
2024 02	19,740	3,000	11,190	1,830	3,330	390

### LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM

Date	Tổng sản lượng các nguồn điện	Sản lượng thủy điện	Sản lượng nhiệt điện than	Sản lượng nhiệt điện khí	Sản lượng điện NLTT	Sản lượng điện nhập khẩu & khác
2025 02	45,013	9,290	24,820	2,700	7,340	863
2025 01	22,773	4,705	12,570	1,367	3,717	414
2024 12	308,731	88,723	152,775	21,827	39,641	5,765
2024 11	283,640	83,160	139,000	19,940	36,420	5,120
2024 10	258,700	76,310	125,990	18,460	32,880	5,060
2024 09	232,600	65,570	115,270	17,190	30,080	4,490
2024 08	208,040	53,910	106,690	16,150	27,310	3,980
2024 07	179,440	40,900	96,400	14,650	24,020	3,470
2024 06	151,740	28,630	86,340	13,120	20,730	2,920
2024 05	124,250	19,080	73,970	11,170	17,620	2,410
2024 04	96,160	14,410	56,890	8,520	14,550	1,790
2024 03	69,400	10,620	39,990	6,060	11,450	1,150
2024 02	43,710	7,790	23,940	3,680	7,420	880



### NVIDIA đang hình thành sóng giảm giá cấu trúc



### S&P 500 đang cố giữ ngưỡng hỗ trợ động MA(200) – Rung lắc mạnh sẽ diễn ra



### MSFT đang nỗ lực phản ứng tại khu vực hỗ trợ mạnh



### Nasdaq sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm xuống kênh giá dưới ?



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

